TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THẤT, TP. HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/7/2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THẤT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Sơn.
- Các Hội thẩm nhân dân:
+ Bà Nguyễn Thị Mai
+ Ông Nguyễn Văn Chiến
***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đoàn Thanh Hưng- Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Vi Thị Ngọc Kim- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thất xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 147/2019/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST- HNGĐ ngày 23/7/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H- sinh năm 1994. Có mặt.
Nơi ĐKHKTT: Xóm D, xã Y, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.
Nơi cư trú: Thôn L, xã B, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.
Bị đơn: Anh Đặng Văn T- sinh năm 1988. Vắng mặt.
Địa chỉ: Xóm D, xã Y, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Căn cứ vào đơn khởi kiện, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Đặng Văn T kết hôn do hai bên tự nguyện, có thời gian tìm hiểu khoảng 02 tháng, tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y vào ngày 10/8/2015. Sau cưới chị về sống chung với anh T và bố mẹ anh T. Tháng 6/2016 sau khi chị sinh con thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không chịu lao động, cả gia đình sống phụ thuộc vào số tiền lương của chị đi làm công nhân. Chị đi làm ca đêm về nhưng ban ngày gia đình anh T không cho chị nghỉ mà lại bắt chị phải đi làm

nương làm ruộng. Đối với con thì anh T và bố mẹ anh T cũng không chăm sóc giúp, chị đi làm ca đêm về nằm nghỉ một lúc thì gia đình lại đưa con vào cho chị trông. Vì vậy sức khỏe của chị sa sút, bệnh tật không đi làm được, không có tiền chi tiêu cho gia đình thì anh T và gia đình càng đối xử với chị không tốt. Thời gian từ năm 2018 đến nay thì anh T thường xuyên chửi và đuổi chị ra khỏi nhà, vì thương con nên chị cố chịu đựng nhưng anh T vẫn không để cho chị được sống yên ổn, bị khủng hoảng về tinh thần. Hiện nay chị phải bỏ về nhà mẹ đẻ sống. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, không thể tiếp tục sống chung với anh T được nữa nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có một con chung là Đặng Văn Th- sinh ngày 07/6/2016. Khi đi chị có mang theo con về nhà ngoại sống được một tuần thì bố anh T đến đón cháu về. Cũng từ đó anh T và gia đình chỉ cho chị đến thăm con chứ không cho chị đón con về nhà ngoại chăm sóc. Nguyện vọng của chị xin được nuôi con vì hiện nay con cháu còn nhỏ cần được sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn. Sau này cháu trưởng thành nếu cháu có nguyện vọng về ở với bố thì chị cũng đồng ý. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang đi làm công nhân điện tử thu nhập tiền lương từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng mỗi tháng. Về đất nhà thì bố mẹ chị đã chia cho chị một thửa đất diện tích 150m^2 ở thôn L, xã B, trên đất có nhà sẵn để mẹ con chị sinh sống sau khi ly hôn. Thời gian vừa qua nhiều lần chị về thăm con, thấy cháu ở với ông bà nội nhưng do ông bà già lại còn việc gia đình nên chăm sóc cháu không được chu đáo, hàng ngày cho cháu tự đi chơi với trẻ em hàng xóm đi xuống suối chơi nghịch rất nguy hiểm đến tính mạng, chị đón cháu về nuôi thì gia đình anh T lại giữ không cho đón.

Về tài sản: Chị và anh T không có tài sản, công sức chung và không có nợ chung.

Tại văn bản ngày 28/6/2019, anh Đặng Văn T trình bày: Anh công nhận về điều kiện kết hôn và con chung như chị H trình bày là đúng. Sau cưới chị H về sống chung với gia đình anh. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc bình thường, hàng ngày chị H đi làm công nhân ở công ty, còn anh ở nhà làm ruộng và các công việc khác. Thời gian khoảng vài tháng nay chị H đi làm nhưng không về nhà đúng thời gian, chị H thường hay nói giối anh và gia đình là đi làm công ty nhưng thực tế chị H không đi làm mà thường xuyên bỏ nhà đi chơi không về. Vì chị gái anh làm cùng công ty với chị H nên ngày nào chị H không đi làm là chị anh đều biết. Ngày 20/4/2019 chị H đưa con về nhà ngoại sống và làm đơn xin hôn với anh. Quan điểm của anh không đồng ý ly hôn, anh mong chị H suy nghĩa lại để vợ chồng đoàn tụ nuôi con vì anh vẫn yêu thương chị H. Chị H khai tại Tòa án lý do vợ chồng mâu thuẫn là do anh thường xuyên đuổi chị H ra khỏi nhà vào nửa đêm là không đúng. Quá trình chung sống anh không đánh, không chửi chị H, còn vì sao mà chị H bỏ nhà đi thì anh không biết chính xác, anh chỉ nghe người làm cùng công ty chị H nói là chị H có theo một anh nào đó làm cùng công ty nên mới xin ly hôn anh. Sau khi chị H bỏ về nhà mẹ đẻ sống thì anh có hai lần đến gọi chị H về đoàn tụ nhưng chị H nói vợ chồng không còn tình cảm nên không về, vì vậy anh cũng không đến gọi nữa.

Về con chung: Anh và chị H có một con chung là Đặng Văn Th- sinh ngày 07/6/2016. Sau khi chị H đưa con về nhà ngoại được một tuần thì bố anh có đến đón cháu về để tiêm chủng nên anh giữ cháu ở lại luôn. Thời gian vừa qua chị H có vài lần về thăm con. Trường hợp chị H kiên quyết xin ly hôn mà Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh thì nguyện vọng của anh xin được nuôi con, vì hiện nay anh đang sống với bố mẹ anh có đất nhà rộng rãi đảm bảo cho cuộc sống của cháu Th tốt hơn chị H. Sau khi ly hôn, chị H về sống nhờ nhà ngoại phải phụ thuộc vào gia đình sẽ không tốt cho việc nuôi con. Anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay anh đang làm ruộng và đi làm thuê tự do bên ngoài như khoan cắt bê tông, xây dựng, thu nhập khoảng 300.000 đồng/ngày. Anh làm công nhật, ngày nào đi làm thì có tiền công, ngày nào nghỉ thì không có tiền công.

Trước đây chị H đi làm công ty, mỗi tháng có đưa cho bố mẹ anh khoảng từ 1.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng để chi tiêu sinh hoạt gia đình.

Về tài sản: Anh và chị H không có tài sản, công sức chung và không có nợ chung.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về trình tự thủ tục tố tụng thì Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật, bị đơn chưa chấp hành tốt pháp luật. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do nên việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, để xử:

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Văn T.

Về nuôi con chung: Giao cháu Đặng Văn Th- sinh ngày 07/6/2016 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T đến khi chị H có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về tố tụng: Anh Đặng Văn T cư trú tại xã Y, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội nên chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất giải quyết ly hôn là đúng thẩm quyền theo Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với anh Đặng Văn T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ lần thứ hai, nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh T là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Văn T kết hôn hợp pháp, tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y ngày 10 tháng 8 năm 2015. Chị H và anh T cùng xác nhận hiện nay vợ chồng đang sống ly thân. Chị H xác định tình cảm vợ chồng đã hết

và xin được ly hôn anh T. Anh T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn, anh vẫn yêu thương chị H nên không đồng ý ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H, thấy: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Như vậy thể hiện việc anh T không đồng ý ly hôn không phải xuất phát từ việc mong muốn vợ chồng có cơ hội đoàn tụ mà chỉ nhằm gây khó khăn cho việc chị H xin ly hôn. Tại các Văn bản ngày 28/6/2019 và ngày 03/7/2019, ông Đặng Văn Q (Bố đẻ của anh Đặng Văn T) đều đề nghị Tòa án nếu chị H kiên quyết xin ly hôn anh T thì giải quyết cho chị H và anh T được ly hôn.

Từ các nhận xét trên thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc sống chung sẽ không đem lại hạnh phúc cho hai bên. Chị H xin ly hôn anh T là phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3]- Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh T có một con chung là Đặng Văn Th- sinh ngày 07/6/2016. Chị H và anh T đều có nguyện vọng xin được nuôi con.

Xét nguyện vọng nuôi con của chị H và anh T, thấy: Anh T hiện nay đang chung sống với bố mẹ già, tuy gia đình có đất nhà rộng rãi, nhưng anh T làm nghề lao tự do, ai thuê công việc gì thì làm việc đó, thu nhập thấp, không ổn định nếu giao con cho anh T nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo. Hiện nay cháu Th còn nhỏ (37 tháng 18 ngày tuổi) nên cần có sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn. Chị H làm công nhân có thu nhập ổn định bình quân khoảng 7.000.000 đồng/tháng, có đất nhà riêng nên giao con cho chị H nuôi dưỡng sẽ đảm bảo tốt hơn cho sự phát triển của cháu Th và phù hợp Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét mà tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T đến khi chị H có yêu cầu. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nuôi, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[4]- Về chia tài sản chung: Chị H và anh T không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm và được trừ vào số tiền đã nộp dự phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thất.

[6]- Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Đặng Văn Th- sinh ngày 07/6/2016 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Đặng Văn T đến khi chị H có yêu cầu. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nuôi, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp dự phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thất theo biên lai số 06728 ngày 12/6/2019.

5. Về quyền kháng: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Thạch Thất;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thất;
- Các đương sự;
- UBND xã Y;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đỗ Ngọc Sơn